TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Để**
2. Bà **Hồ Thị Hoa**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: Bà **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Hưng L, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

*** <u>Bị đơn</u>**: 1. Bà **Nguyễn Thị T (Kim T)**, sinh năm 1965.

2. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp Ngọc H, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Bà N có mặt ; Ông H, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ*

án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Trước đây bà có tổ chức chơi hụi tại địa phương do bà làm chủ, trong thời gian này vợ chồng bà T, ông H có tham gia chơi với bà nhiều dây hụi. Trước dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch, thì ông H, bà T còn nợ lại bà số tiền hụi 15.500.000 đồng. Nhưng không có khả năng thanh toán. Sau đó bà mở dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch, vợ chồng bà T có tham gia chơi 01 chưng hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng xổ 01 lần, dây hụi gồm 31 phần. Chưng hụi này hốt hụi vào ngày 10/6/2017 kêu giá 300.000 đồng, được số tiền 20.500.000 đồng. Ông H, bà T đồng ý cấn trừ phần hụi còn nợ với số tiền là 15.500.000 đồng. Bà sẽ giao phần tiền hụi 5.000.000 đồng còn lại cho ông H, Bà T. Ông H, bà T đồng ý thì ông H mới có ký xác nhận bà đã giao hụi. Nay bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn H xác định dây hụi 1.000.000 đồng bà chưa giao hụi nên ông H, bà T không đồng ý đóng hụi chết thì bà xem như dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn H không tham gia và xác định không tranh chấp dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch.

Bà xác định yêu cầu ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T (Kim T) trả cho bà số nợ hụi còn thiếu 15.500.000 đồng. Bà không đồng ý cho trả dần vì số tiền này đã quá lâu.

*** Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T (Kim T), ông Phạm Văn H trình bày**:

Trước đây vợ chồng ông, bà tham gia rất nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị Kiều N làm chủ nhưng đã thanh toán đầy đủ không ai nợ ai. Không nhớ rõ ngày tháng năm nào vợ chồng ông, bà có tham gia 01 phần hụi do bà N làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng xổ 01 lần, không nhớ bao nhiêu người tham gia, ông bà đóng được 12 lần đến lần thứ 13 đã lãnh hụi số tiền hơn 30.000.000 đồng. Bà N giao đủ cho ông bà, sau đó ông bà đóng hụi chết thêm 05 đến 06 lần nữa. Do không có khả năng nên không đóng tiếp cho bà N. Khi đó giữa ông bà và bà N chốt nợ lại với nhau thì ông bà còn nợ bà N số tiền hụi 15.500.000 đồng. Sau đó bà N áp hụi mới kêu ông bà tham gia 01 phần, ông bà đồng ý tham gia, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần bà N cho ông bà lãnh hụi trước tiên số tiền được lãnh bao nhiêu thì ông bà không biết vì bà N nói sẽ trừ số tiền mà ông bà còn nợ trước đây là 15.500.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa cho ông bà khoảng 5.000.000 đến 6.000.000 đồng. Ông bà thừa nhận có tham gia dây hụi sau này nhưng do bà N không giao tiền cho vợ chồng ông bà nên ông bà không đóng hụi chết.

Nay ông bà chỉ thừa nhận còn nợ bà N 15.500.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng do hoàn cảnh khó khăn, ông bà xin trả dần mỗi tháng 400.000 đồng cho đến khi hết số tiền 15.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Nguyễn Thị Kiều N xác định không tranh chấp dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch. Bà xác định yêu cầu bà T, ông H trả cho bà số tiền nợ hụi

còn thiếu là 15.500.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật, bà không đồng ý cho trả dần vì thời gian đã quá lâu.

- Các bị đơn Nguyễn Thị T (Kim T),ông Phạm Văn H: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa các bên đã phát sinh. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền hụi nhưng không thỏa thuận được với nhau về thời gian và hình thức trả tiền, việc các bị đơn yêu cầu trả dần không có căn cứ xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T (Kim T), ông Phạm Văn H cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Ngọc H, xã Đ, huyện A, tỉnh K trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T (Kim T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H và bà T vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và bà T trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N và các bị đơn bà Nguyễn Thị T (Kim T), ông Phạm Văn H đều thống nhất trước dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch, thì ông H, bà T còn nợ lại bà N số tiền hụi 15.500.000 đồng. Nguyên đơn bà N xác định không tranh chấp dây hụi áp ngày 10/6/2017 âm lịch.

Nay bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn H trả cho bà N số nợ hụi còn thiếu là 15.500.000 đồng. Các bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn H thừa nhận còn nợ bà N số tiền hụi 15.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 400.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà Nguyễn Thị Kiều N với bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn H thực tế đã phát sinh ra quan hệ góp hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn H có trách nhiệm trả số nợ hụi còn thiếu cho bà N số tiền 15.500.000 đồng. Phía bà T, Ông H cũng đồng ý, nhưng xin trả dần mỗi tháng 400.000 đồng. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên bà N không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N là có căn cứ để chấp nhận và Toà án có đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn H chịu trách nhiệm trả số tiền nợ hụi còn thiếu 15.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kiều N.

Giữa bà N với bà T và ông H đã thống nhất số tiền hụi còn thiếu nhưng không thống nhất được với nhau về thời gian và hình thức thanh toán tiền. Việc bà T, ông H khai nại xin trả dần số tiền 15.500.000 đồng, mỗi tháng trả 400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cách thức và thời gian trả dần của bà T, ông H là kéo dài thêm thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N và tại phiên tòa bà N cũng không đồng ý cho bà T, ông H trả dần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền nợ hụi 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bà

Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn H cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.500.000 đồng x 5% = 775.000 đồng.

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 280; 288; khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T (Kim T) và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền nợ hụi 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T (Kim T) và ông Phạm Văn H cùng chịu 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005219 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều N, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T (Kim T), ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU